

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HIỆP
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **22/2020/HNGĐST**
Ngày 11-8-2020
V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Minh Đạo**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Ngô rô Be**

2. Bà **Nguyễn Thị Việt Tím**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** – Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Luyến** – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2020/TLST–HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp: “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST–HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2020/QĐST–HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Út M** – sinh năm 1985 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Anh **Trần Văn L** – sinh năm 1981 (vắng mặt lần 2, không lý do)

HKTT: ấp G, xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Tạm trú: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị Út M trình bày:**

Chị và anh Trần Văn L chung sống với nhau vào năm 2008, vợ chồng có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang ngày 26/9/2008. Trước khi cưới, vợ chồng

không có tìm hiểu nhau trước mà do mai mối, cha mẹ hai bên sắp đặt, hôn nhân tự nguyện, không bị cưỡng ép.

Quá trình chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L gây ra nợ nần, chị M đã phải trả nợ thay cho anh L nhiều lần dẫn đến tình cảm vợ chồng sút mẻ, mất niềm tin vào nhau. Ngoài ra, anh L không quan tâm đến vợ con, mọi chi tiêu trong gia đình đều do chị M lo liệu, anh L cũng không phụ giúp công việc trong nhà. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị và anh L đã ly thân với nhau từ năm 2018 đến nay.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung:

1. Trần Phương V – sinh ngày 02/4/2009

2. Trần Phương A – sinh ngày 28/12/2016

Các cháu đã có giấy khai sinh và hiện đang sống chung với vợ chồng anh chị.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị M yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị M yêu cầu được ly hôn với anh L.

- Về quan hệ con chung: Chị M yêu cầu được nuôi cháu Trần Phương V – sinh ngày 02/4/2009 và cháu Trần Phương A – sinh ngày 28/12/2016, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bị đơn anh Trần Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt không có lý do nên không có bản tự khai và lời trình bày tại Tòa án.

**** Phát biểu của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát Nhân dân huyện Tân Hiệp tham gia phiên tòa:***

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

+ Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng hợp lệ.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Út M.

+ *Về quan hệ con chung*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Út M là giao cháu Trần Phương V – sinh ngày 02/4/2009 và cháu Trần Phương A – sinh ngày 28/12/2016 cho chị M nuôi dưỡng. Anh Trần Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị M trình bày vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng*: Yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Út M được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân huyện Tân Hiệp.

Anh Trần Văn L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng tại phiên tòa hôm nay anh L vắng mặt không có lý do. Ngoài ra, tại phiên tòa chị M yêu cầu Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L. Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh Trần Văn L.

Xét yêu cầu xin ly hôn và nuôi con của chị Trần Thị Út M, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Xét thấy, chị Trần Thị Út M và anh Trần Văn L chung sống với nhau được Ủy ban Nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang cấp Giấy Chứng nhận kết hôn số 91, quyển số 01, ngày 26/9/2008 đúng theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất công nhận đây là hôn nhân hợp pháp.

[2] *Xét yêu cầu xin ly hôn của chị M*:

Xét thấy, quá trình vợ chồng chị M và anh L chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L gây ra nợ nần, chị M đã phải trả nợ thay cho anh L nhiều lần dẫn đến tình cảm vợ chồng sút mẻ, mất niềm tin vào nhau. Ngoài ra, anh L không quan tâm đến vợ con, mọi chi tiêu trong gia đình đều do chị M lo liệu, anh L cũng không phụ giúp công việc trong nhà.

Theo Biên bản xác minh ngày 08/7/2020 của Tòa án Nhân dân huyện

Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang thì đại diện Ban lãnh đạo ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang cho biết là chị M và anh L chung sống với nhau tại địa phương từ khi cưới đến nay, anh L đi làm sáng đi chiều về. Còn về nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Trần Thị Út M và anh Trần Văn L thì địa phương không biết vì không có ai trình báo. Mặt khác, chị M và anh L đã ly thân với nhau từ năm 2018 đến nay. Chính vì thế, việc chị M yêu cầu được ly hôn với anh L là có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu nuôi con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng của chị M:

Xét thấy, theo biên bản tiếp xúc, ghi nhận nguyện vọng của cháu Trần Phương V thì nguyện vọng của cháu V là muốn được sống chung với mẹ là chị M. Ngoài ra, cháu Trần Phương V và cháu Trần Phương A đều còn nhỏ và là con gái nên cần đến sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Do vậy, yêu cầu nuôi con của chị M là có căn cứ.

Về cấp dưỡng: Do chị M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị M xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Từ những nhận định trên, căn cứ Điều 56, các điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Út M:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Út M được ly hôn với anh Trần Văn L.

Về quan hệ con chung: Giao cháu Trần Phương V – sinh ngày 02/4/2009 và cháu Trần Phương A – sinh ngày 28/12/2016 cho chị Trần Thị Út M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Trần Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Út M phải nộp 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 175, Điều 177, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Út M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị Út M được ly hôn với anh Trần Văn L.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Trần Phương V – sinh ngày 02/4/2009 và cháu Trần Phương A – sinh ngày 28/12/2016 cho chị Trần Thị Út M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Trần Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Văn L được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Út M phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000493 ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn anh Trần Văn L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;
- UBND xã B, huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Minh Đạo